

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá lần 2 để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho một số mặt hàng của gói thầu mua sắm vật tư y tế chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình, Răng hàm mặt năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An thuộc dự toán cung ứng các mặt hàng vật tư y tế thuộc Thông tư 04/2017/TT-BYT chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình, Răng hàm mặt năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Lê Thị Kiên – Nhân viên Khoa Dược - Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An. Số điện thoại liên hệ: 0976448884.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Bệnh viện nhận trực tiếp báo giá bản cứng tại địa chỉ: DS Lê Thị Kiên, SĐT: 0976448884. Khoa Dược, Bệnh viện HNĐK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 25 tháng 9 năm 2023
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế
 - Danh mục thiết bị y tế Nhà sản xuất/Nhà cung cấp xem chi tiết tại *phụ lục 1 đính kèm*

Lưu ý: Nhà sản xuất/Nhà cung cấp thực hiện báo giá theo mẫu tại *phụ lục 2 đính kèm*.

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Giao hàng trực tiếp về Kho Khoa Dược, Bệnh viện

HNDK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Trong quá trình vận chuyển, hàng hóa được bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi ký hợp đồng. Thời gian giao hàng không chậm hơn 7 ngày kể từ ngày Khoa được đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không yêu cầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu.

Bên chào giá đồng ý cho Bệnh viện được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các bản báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia chào giá.

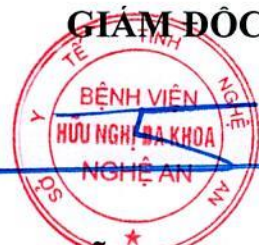
Bản báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm, rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hương



PHỤ LỤC 1



**DANH MỤC MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ CHUYÊN KHOA CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH, RĂNG HÀM MẶT
NĂM 2024 CHO BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN**

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
1	CT5	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi dài	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ 2. Chỏm chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, cỡ $\geq 20\text{mm}$ và $\leq 40\text{mm}$, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ $\geq 44\text{mm}$ và $\leq 62\text{mm}$, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính $\geq 5.0\text{mm}$ và $\leq 7.0\text{mm}$, chiều dài $\geq 15\text{mm}$ và $\leq 50\text{mm}$	Bộ	5

ct uu

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
2	CT6	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ hydroxyapatite (HA), góc cổ chuôi $\geq 125^\circ$ và $\leq 138^\circ$, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20, chiều dài $\geq 110\text{mm}$ và $\leq 190\text{mm}$, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, cỡ $\geq 20\text{mm}$ và $\leq 40\text{mm}$, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ $\geq 44\text{mm}$ và $\leq 62\text{mm}$, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật $\geq 0^\circ$ và $\leq 20^\circ$ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính $\geq 5.0\text{mm}$ và $\leq 7.0\text{mm}$, chiều dài $\geq 15\text{mm}$ và $\leq 50\text{mm}$	Bộ	20
3	CT7	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ calcium phosphat, góc cổ chuôi $\geq 125^\circ$ và $\leq 138^\circ$, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20, chiều dài $\geq 110\text{mm}$ và $\leq 190\text{mm}$, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, cỡ $\geq 20\text{mm}$ và $\leq 40\text{mm}$, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ $\geq 44\text{mm}$ và $\leq 62\text{mm}$, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật $\geq 0^\circ$ và $\leq 20^\circ$ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính $\geq 5.0\text{mm}$ và $\leq 7.0\text{mm}$, chiều dài $\geq 15\text{mm}$ và $\leq 50\text{mm}$	Bộ	20

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
4	CT8	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ Titanium, góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20, chiều dài ≥ 110mm và ≤ 190mm, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, cỡ ≥ 20mm và ≤ 40mm, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ ≥ 44mm và ≤ 62mm, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính ≥ 5.0mm và ≤ 7.0mm, chiều dài ≥ 15mm và ≤ 50mm	Bộ	20
5	CT9	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ hydroxyapatite (HA), góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20, chiều dài ≥ 110mm và ≤ 190mm, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu Ceramic, cỡ ≥ 20mm và ≤ 40mm, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ ≥ 44mm và ≤ 62mm, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính ≥ 5.0mm và ≤ 7.0mm, chiều dài ≥ 15mm và ≤ 50mm	Bộ	25

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
6	CT10	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ calcium phosphat, góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20 , chiều dài ≥ 110 mm và ≤ 190 mm, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu Ceramic, cỡ ≥ 20 mm và ≤ 40 mm, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ ≥ 44 mm và ≤ 62 mm, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính ≥ 5.0 mm và ≤ 7.0 mm, chiều dài ≥ 15 mm và ≤ 50 mm	Bộ	25
7	CT11	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ Titanium, góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20 , chiều dài ≥ 110 mm và ≤ 190 mm, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu Ceramic, cỡ ≥ 20 mm và ≤ 40 mm, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ ≥ 44 mm và ≤ 62 mm, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính ≥ 5.0 mm và ≤ 7.0 mm, chiều dài ≥ 15 mm và ≤ 50 mm	Bộ	25

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
8	CT12	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ hydroxyapatite (HA), góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20 , chiều dài $\geq 110\text{mm}$ và $\leq 190\text{mm}$, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu bằng Ceramic, cỡ $\geq 20\text{mm}$ và $\leq 40\text{mm}$, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ $\geq 44\text{mm}$ và $\leq 62\text{mm}$, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ceramic, thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính $\geq 5.0\text{mm}$ và $\leq 7.0\text{mm}$, chiều dài $\geq 15\text{mm}$ và $\leq 50\text{mm}$	Bộ	20
9	CT13	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ calcium phosphat, góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20 , chiều dài $\geq 110\text{mm}$ và $\leq 190\text{mm}$, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu bằng Ceramic, cỡ $\geq 20\text{mm}$ và $\leq 40\text{mm}$, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ $\geq 44\text{mm}$ và $\leq 62\text{mm}$, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ceramic, thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính $\geq 5.0\text{mm}$ và $\leq 7.0\text{mm}$, chiều dài $\geq 15\text{mm}$ và $\leq 50\text{mm}$	Bộ	20

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
10	CT14	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, phủ Titanium, góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20 , chiều dài ≥ 110 mm và ≤ 190 mm, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu bằng Ceramic, cỡ ≥ 20 mm và ≤ 40 mm, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ ≥ 44 mm và ≤ 62 mm, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có nhiều cỡ 4. Lớp đệm chất liệu Ceramic, thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính ≥ 5.0 mm và ≤ 7.0 mm, chiều dài ≥ 15 mm và ≤ 50 mm	Bộ	15
11	CT15	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi không xi măng chất liệu hợp kim Titanium, góc cổ chuôi ≥ 125 độ và ≤ 138 độ, cỡ chuôi ≥ 0 và ≤ 20 , chiều dài ≥ 110 mm và ≤ 190 mm, có nhiều cỡ. 2. Chỏm chất liệu bằng hợp kim Cobalt Chrome hoặc thép không gỉ, cỡ ≥ 20 mm và ≤ 40 mm, có nhiều cỡ 3. Ổ cối không xi măng cỡ ≥ 44 mm và ≤ 62 mm, có tối thiểu 3 lỗ để bắt vít ổ cối, có lót ổ cối thiết kế dạng chuyển động đôi, có nhiều cỡ. 4. Lớp đệm chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), thiết kế gờ chống trật ≥ 0 độ và ≤ 20 độ 5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium, đường kính ≥ 5.0 mm và ≤ 7.0 mm, chiều dài ≥ 15 mm và ≤ 50 mm	Bộ	20

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
12	CT17	Khớp gối	Bộ ít nhất gồm có: 1. Lõi cầu xương đùi có xi măng: chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, độ rộng trong ngoài $\geq 40\text{mm}$, thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu, có tối thiểu 4 cỡ 2. Mâm chày có xi măng, chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, độ rộng trong ngoài $\geq 40\text{mm}$, có tối thiểu 4 cỡ 3. Lớp đệm mâm chày: chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), độ dày $\geq 6\text{mm}$, có tối thiểu 4 cỡ. 4. Xi măng kháng sinh cho khớp gối. 5. Bánh chèn cỡ $\geq 20\text{mm}$, có nhiều cỡ, chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE)	Bộ	10
13	CT18	Khớp gối	Bộ ít nhất gồm có: 1. Lõi cầu xương đùi có xi măng: chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, độ rộng trong ngoài $\geq 40\text{mm}$, thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu, có tối thiểu 4 cỡ 2. Mâm chày có xi măng, chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, độ rộng trong ngoài $\geq 40\text{mm}$, có tối thiểu 4 cỡ 3. Lớp đệm mâm chày: chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), độ dày $\geq 6\text{mm}$, có tối thiểu 4 cỡ, có khả năng xoay được. 4. Xi măng kháng sinh cho khớp gối. 5. Bánh chèn cỡ $\geq 20\text{mm}$, có nhiều cỡ, chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE)	Bộ	5

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
14	CT19	Khớp vai bán phần	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium, chiều dài $\geq 50\text{mm}$, có nhiều cỡ. 2. Cổ chuôi chất liệu hợp kim Titanium, chiều cao $\geq 15\text{mm}$, có nhiều cỡ. 3. Chỏm khớp chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, cỡ $\geq 32\text{mm}$, có nhiều cỡ.	Bộ	2
15	CT20	Khớp vai toàn phần Reverse	Bộ ít nhất gồm có: 1. Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium, chiều dài $\geq 50\text{mm}$, có nhiều cỡ 2. Lớp đệm Reverse chất liệu Ultra-high-molecular-weight polyethylene (UHMWPE), độ dày $\geq 0\text{mm}$, có nhiều cỡ. 3. Chỏm ngược chất liệu hợp kim Cobalt Chrome, cỡ $\geq 32\text{mm}$, có nhiều cỡ. 4. Ổ chảo chất liệu hợp kim Titanium, có nhiều cỡ	Bộ	2
16	CT25.3	Vít nén DHS	Chất liệu thép không gỉ. Chiều dài $\geq 20\text{mm}$. Dùng tương thích với lỗ của vít DHS	Cái	30
17	CT108	Vít treo mảnh ghép gân	Gồm thanh treo chất liệu Titanium, chiều dài $\geq 10\text{mm}$ và vòng dây chiều dài $\geq 10\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	30
18	CT109	Vít treo mảnh ghép gân	Gồm thanh treo chất liệu Titanium, chiều dài $\geq 10\text{mm}$ và vòng dây chiều dài $\geq 10\text{mm}$.	Cái	10
19	CT110	Vít treo gân có thể điều chỉnh độ dài	Gồm thanh treo chất liệu Titanium, chiều dài $\geq 10\text{mm}$ và vòng dây chiều dài $\geq 10\text{mm}$, có thể điều chỉnh được độ dài. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	200

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
20	CT111	Vít treo gân có thể điều chỉnh độ dài	Gồm thanh treo chất liệu Titanium, chiều dài $\geq 10\text{mm}$ và vòng dây chiều dài $\geq 10\text{mm}$, có thể điều chỉnh được độ dài.	Cái	20
21	HM3	Phim X-quang nha khoa rửa nhanh	Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim. Chiều rộng $\geq 30\text{mm}$ và $\leq 32\text{mm}$, chiều dài $\geq 40\text{mm}$ và $\leq 42\text{mm}$.	Cái/Tờ/Tám	100
22	HM4	Vít xương Mini	Chất liệu: Titanium. Đường kính 2.0 mm. Chiều dài $\geq 6.0\text{ mm}$ và $\leq 8.0\text{ mm}$, có nhiều cỡ.	Cái	6.500
23	HM5	Vít xương Maxi	Chất liệu: Titanium. Đường kính 2.4 mm. Chiều dài $\geq 10\text{ mm}$ và $\leq 12\text{ mm}$, có nhiều cỡ.	Cái	120
24	HM6	Vít cố định hàm	Chất liệu: Titanium. Tự bắt. Đường kính 2.0 mm, chiều dài $\geq 10\text{ mm}$ và $\leq 14\text{ mm}$, có nhiều cỡ.	Cái	60
Tổng: 24 mặt hàng					

NGHỆ AN

PHỤ LỤC 2

Công ty

Địa chỉ/SĐT:.....

....., Ngày.....tháng.....năm.....

BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã HH ⁽¹⁾	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thương mại thiết bị y tế ⁽³⁾	Mã hiệu, model ⁽⁴⁾	Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế ⁽⁵⁾	Đơn vị tính ⁽⁶⁾	Quy cách ⁽⁷⁾	Mã HS ⁽⁸⁾	Năm sản xuất ⁽⁹⁾	Hãng – nước sản xuất ⁽¹⁰⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽¹¹⁾	Đơn giá ⁽¹²⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹³⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁴⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁵⁾ (VND)
1															
2															
n		...													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Các thông số kỹ thuật sản phẩm báo giá tại mục 1 của Bản báo giá đúng với các thông tin trong tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chúng tôi chào giá và phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của bên mời chào giá (tại *Phụ lục 1*).

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong bản báo giá.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Mã HH ghi theo mã hàng hóa mời chào giá

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ Tên thương mại của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi các Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế phù hợp với Thông số kỹ thuật mời chào giá.

(6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, quy cách của thiết bị y tế.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(9), (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể lần lượt năm sản xuất, hãng – nước sản xuất của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá [đã bao gồm Chi phí cho các dịch vụ liên quan (13), Thuế, phí, lệ phí (14)] tương ứng với từng thiết bị y tế.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(15) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(16) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có).

Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.